

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHAN HỒNG HẢI

2. Ngày tháng năm sinh: 03/6/1976. Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 2F Đường số 2, KDC Cityland, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ: số 2F Đường số 2, KDC Cityland, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: Không. Điện thoại di động: 0909779997

E-mail: phanhonghai@iuh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 8/2012 đến tháng 07/2013: Quyền Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 542/QĐ-ĐHCN ngày 18 tháng 7 năm 2012).

Từ tháng 07/2013 đến tháng 11/2017: Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 1273/QĐ-ĐHCN ngày 25 tháng 6 năm 2013).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ tháng 7/2016: thay đổi chức danh nghề nghiệp từ chức danh Kế toán viên, mã số 06.031 sang chức danh Giảng viên, mã số 15.111 (Quyết định số 1427/QĐ-ĐHCN ngày 08 tháng 7 năm 2016).

Từ tháng 3/2017: bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 (Quyết định số 879/QĐ-ĐHCN ngày 13 tháng 3 năm 2017).

Từ tháng 11/2017 đến tháng 02/2020: Phó Hiệu trưởng, kiêm nhiệm Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư (trước đây là Phòng Kế hoạch – Vật tư), Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 4268/QĐ-BCT ngày 10 tháng 11 năm 2017).

Từ ngày 28/02/2020 đến ngày 18/5/2023: Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 686/QĐ-BCT ngày 28/02/2020).

Từ tháng 7 năm 2023: bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp giảng viên chính, mã số V.07.01.02 (hạng II) (Quyết định số 1678/QĐ-BCT ngày 03/07/2023).

Từ ngày 18/5/2023 đến ngày 09/01/2024: Chủ tịch Hội đồng trường, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 1179/QĐ-BCT ngày 18 tháng 5 năm 2023).

Từ ngày 09/01/2024 đến nay: Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 59/QĐ-BCT ngày 09 tháng 01 năm 2024).

Chức vụ hiện nay: Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ cao nhất đã qua: Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường 1, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 0283.8940390

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

Được cấp bằng Đại học ngày 07 tháng 09 năm 1998, ngành: Tài chính doanh nghiệp, chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp (Số hiệu bằng: 108396).

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 03 tháng 04 năm 2006, ngành: Quản trị kinh doanh, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh (Số hiệu bằng: 1001480).

Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam.

Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 27 tháng 04 năm 2017, ngành: Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng (Số hiệu bằng: 004433).

Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Tín dụng – Ngân hàng. Hướng nghiên cứu này tập trung vào các khía cạnh đa dạng của tín dụng và ngân hàng, được xác định dựa trên tầm quan trọng ngày càng tăng của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển bền vững. Các vấn đề như quản lý rủi ro, tối ưu hóa lợi nhuận, phát triển tài chính xanh và tín dụng xanh đang trở thành ưu tiên hàng đầu, đòi hỏi các nghiên cứu chuyên sâu để đưa ra các giải pháp thực tiễn và chính sách phù hợp. Sự phức tạp của các yếu tố địa chính trị và tác động của dữ liệu lớn đến hoạt động ngân hàng cũng là những lý do quan trọng thúc đẩy hướng nghiên cứu này. Hướng nghiên cứu này tập trung ở thị trường tài chính Việt Nam và trên thế giới. Tương ứng với hướng nghiên cứu 1 là các công trình khoa học sau đây:

- Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã được công bố: 8 bài ([1.1]; [1.2]; [1.3]; [1.4]; [1.5]; [1.6]; [1.7]; [1.8]). Trong đó, bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín là: 2 bài ([1.7]; [1.8])

- Hướng dẫn Học viên cao học (HVCH) thuộc hướng nghiên cứu: 03 học viên ([1]; [2]; [5])

Hướng nghiên cứu 2: Quản trị tài chính. Hướng nghiên cứu về quản trị tài chính tập trung vào các lĩnh vực quản lý tài chính công, tài chính xanh và ứng dụng công nghệ. Các chủ đề được xác định dựa trên tầm quan trọng của việc tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính trong các tổ chức, đặc biệt trong bối cảnh thị trường ngày càng phức tạp và các yêu cầu về tính bền vững. Lý do xác định hướng này còn đến từ sự phát triển nhanh chóng của công nghệ (Fintech, AI, học máy) và xu hướng tài chính xanh, đòi hỏi các giải pháp quản trị tài chính đổi mới. Việc quản lý hiệu quả nguồn vốn công, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, và đảm bảo chất lượng kiểm toán cũng là những vấn đề cấp thiết, thúc đẩy các nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực này. Tương ứng với hướng nghiên cứu 2 là các công trình khoa học sau đây:

- Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã được công bố: 10 bài ([2.1]; [2.2]; [2.3]; [2.4]; [2.5]; [2.6]; [2.7]; [2.8]; [2.9]; [2.10]). Trong đó, bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín là: 2 bài ([2.3]; [2.8])

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp: 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường ([1])

- Sách phục vụ đào tạo: 03 giáo trình ([1]; [2]; [3])

- Hướng dẫn Học viên cao học (HVCH) thuộc hướng nghiên cứu: 02 học viên ([3]; [4])

Hướng nghiên cứu 3: Hướng Nghiên cứu Hành vi tập trung vào các yếu tố tâm lý và xã hội ảnh hưởng đến quyết định trong kinh tế, công nghệ và dịch vụ. Các chủ đề được xác định dựa trên nhận thức rằng các quyết định và tương tác trong nhiều lĩnh vực kinh tế, công nghệ và dịch vụ không chỉ dựa trên các yếu tố lý tính mà còn bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các yếu tố tâm lý và xã hội. Việc hiểu rõ hành vi của các bên liên quan từ người tiêu dùng, người học, khách hàng dịch vụ cho đến các nhà cung cấp và tổ chức là cần thiết để phát triển các sản phẩm, dịch vụ và chính sách hiệu quả hơn trong bối cảnh thay đổi nhanh chóng của công nghệ (Công nghiệp 4.0, thương mại điện tử, ngân hàng số) và các sự kiện bất ngờ (đại dịch COVID-19). Tương ứng với hướng nghiên cứu 3 là các công trình khoa học sau đây:

- Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã được công bố: 10 bài ([3.1]; [3.2]; [3.3]; [3.4]; [3.5]; [3.6]; [3.7]; [3.8]; [3.9]; [3.10]). Trong đó, bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín là: 05 bài ([3.5]; [3.6]; [3.7]; [3.9]; [3.10]).

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp: 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường ([2])

- Hướng dẫn Học viên cao học (HVCH) thuộc hướng nghiên cứu: 01 học viên ([6])

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đã hướng dẫn (số lượng): **06** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **02** cấp cơ sở (Vai trò: 02 đề tài là chủ nhiệm);

Đã công bố (số lượng): **28** bài báo và báo cáo KH, trong đó **09** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

Số lượng sách đã xuất bản: **03** giáo trình (02 chủ biên và 01 thành viên).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2019	Chiến sĩ thi đua BCT	Quyết định số 3427/QĐ-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
2020	Bằng khen của BCH Công đoàn Công Thương VN	Quyết định số 295/QĐ-CDCT, ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Công đoàn Công Thương Việt Nam
2020	Bằng khen Bộ Công Thương	Quyết định số 2903/QĐ-BCT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2021	Bằng khen Bộ Công Thương	Quyết định số 1425/QĐ-BCT ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Công Thương
2021	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 903/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.
2022	Bằng khen Bộ Công Thương	Quyết định số 2348/QĐ-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công Thương
2022	Bằng khen Bộ Công Thương	Quyết định số 2361/QĐ-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công Thương
2022	Bằng khen của UBND TP. HCM	Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch UBND TP.HCM
2023	Chiến sĩ thi đua BCT	Quyết định số 2327/QĐ-BCT, ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
2023	Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam	Quyết định số 7946/QĐ-TLĐ ngày 21 tháng 9 năm 2023 của BCH Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
2024	Bằng khen Bộ Công Thương	Quyết định số 361/QĐ-BCT ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Bộ Công Thương
2024	Bằng khen Bộ Công Thương	Quyết định số 1403/QĐ-BCT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Công Thương
2024	Bằng khen của Công đoàn Công Thương VN	Quyết định số 201/QĐ-CĐCT, ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Công đoàn Công Thương Việt Nam
2024	Bằng khen Bộ Công Thương	Quyết định số 3132/QĐ-BCT ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Bộ Công Thương
2025	Bằng khen của UBND tỉnh Bến Tre	Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Bến Tre
2025	Bằng khen của UBND tỉnh Tiền Giang	Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Tiền Giang

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đối với công tác đào tạo: Trong giai đoạn 2019-2025, dù đảm nhận nhiều trọng trách quản lý, tôi vẫn duy trì công tác giảng dạy theo quy định. Tôi giảng dạy các môn chuyên môn sâu như Phân tích hoạt động tài chính, Mô phỏng kế toán trên phần mềm ở bậc đại học và Chuyên đề môn học, Dự án 1, Dự án 2 ở bậc sau đại học. Tôi chú trọng đổi mới

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại thông qua học tập dựa trên dự án, học tập kết hợp, ứng dụng công nghệ và gắn liền với thực tiễn. Ngoài ra, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ hướng dẫn với 6 học viên cao học đạt được học vị Thạc sĩ, cũng như hướng dẫn sinh viên bậc đại học và nghiên cứu sinh bậc tiến sĩ.

Đối với công tác nghiên cứu khoa học: Tôi đã tích cực tham gia nghiên cứu khoa học với 02 đề tài cấp cơ sở và 28 công trình được công bố thuộc 3 hướng nghiên cứu: tín dụng - ngân hàng, quản trị tài chính và nghiên cứu hành vi.

Đối với công tác phục vụ cộng đồng: Tôi đã chỉ đạo Công đoàn trường tổ chức nhiều phong trào thi đua thiết thực và hoạt động nhân văn. Trong đại dịch Covid-19, tôi cùng lãnh đạo nhà trường tích cực tham gia các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ địa phương, tặng thiết bị y tế và thành lập đội tình nguyện tiêm phòng. Về Đoàn Thanh niên, tôi đã chỉ đạo tổ chức các chiến dịch tình nguyện, hiến máu nhân đạo.

Đối với công tác quản lý: Từ tháng 8/2012 đến nay, tôi đã trải qua nhiều vị trí quản lý từ Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư, Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng đến Chủ tịch Hội đồng trường và hiện đang là Hiệu trưởng từ tháng 1/2024. Dưới sự lãnh đạo của tôi, nhà trường đã đạt được những thành công nhất định trong công tác đào tạo, kiểm định chất lượng, và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên(*):

Tổng số: 09 năm (7/2016 - 6/2025) - Quyết định số 1427/QĐ-ĐHCN ngày 08 tháng 7 năm 2016.

Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020 ¹					39	22.5	61.5/61.5/47.25
2	2020-2021 ^{1,2}					69	0	69/69/40.5
3	2021-2022 ^{1,2}				6	0	45	45/65/40.5
3 năm học cuối								
4	2022-2023 ^{1,2,3}					46.7	52.5	99.2/99.2/44.25
5	2023-2024 ³					0	120	120/120/48
6	2024-2025 ³					0	60	60/60/48

Ghi chú: ¹Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT, ² Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT, ³Quyết định 2788/QĐ-ĐHCN

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: Không

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Không

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Không

Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Không

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh, trình độ C), Trường Cao đẳng Hải Quan.

Chứng chỉ môn học sau Đại học (Tiếng Anh, tương đương cấp độ B2 khung Châu Âu), Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thùy Dung		X	X		3/2020 - 11/2020	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	QĐ số 3068/QĐ- ĐHNH ngày 31/12/2020
2	Nguyễn Thị Mỹ Dung		X	X		3/2020 - 11/2020	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	QĐ số 3068/QĐ- ĐHNH ngày 31/12/2020
3	Huỳnh Thị Tuyết Ngân		X	X		7/2021 - 4/2023	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	QĐ số 1174/QĐ- ĐHCN ngày 10/07/2023
4	Vũ Hải Anh		X	X		3/2022 - 4/2023	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	QĐ số 1174/QĐ- ĐHCN ngày 10/07/2023
5	Trần Thị Phương Nguyễn		X	X		12/2022 - 9/2023	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	QĐ số 2830/QĐ- ĐHCN ngày 05/12/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
6	Lâm Kim Phương		X	X		12/2022 - 9/2023	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	QĐ số 2830/QĐ-ĐHCN ngày 05/12/2023

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Quyết định phê duyệt giáo trình sử dụng trong giảng dạy)
Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính	GT	NXB Đại học Công nghiệp TPHCM, 2022	4	Chủ biên	Chương 5 và 8	ISBN: 978-604-920-139-4 (2157/QĐ-ĐHCN ngày 08 tháng 09 năm 2022)
2	Giáo trình Bài tập Phân tích báo cáo tài chính	GT	NXB Đại học Công nghiệp TPHCM, 2022	4	Chủ biên	Chương 4,5,6 và 9	ISBN: 978-604-920-140-0 (2158/QĐ-ĐHCN ngày 08 tháng 09 năm 2022)
3	Giáo trình Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán	GT	NXB Đại học Công nghiệp TPHCM, 2025	3	Thành viên	Chương 1	ISBN: 978-604-920-292-6 (1605/QĐ-ĐHCN ngày 16 tháng 06 năm 2025)

Các chữ viết tắt: GT: Sách giáo trình

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN /TV	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Dự báo tỷ giá hối đoái song phương trong điều kiện bất định dưới khung lý thuyết ngang giá lãi suất không phòng ngừa: Tiếp cận theo hướng máy học	CN	22/2BGH01, Đề tài cấp trường	03/2023 - 03/2024	Ngày 26 tháng 6 năm 2024/Tốt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN /TV	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
2	Giải pháp nâng cao niềm tin của các nhà cung cấp đề áp dụng thương mại điện tử tại Việt Nam.	CN	94/HĐ-ĐHCN, Đề tài cấp trường	8/2024 - 5/2025	Ngày 06 tháng 5 năm 2025/Tốt

Các chữ viết tắt: CN: Chủ nhiệm

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN: hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
HƯỚNG NGHIÊN CỨU 1. TÍN DỤNG - NGÂN HÀNG								
Sau khi được công nhận TS								
1.1	The evolution of tax compliance risk management in the digital era: From traditional to technological drivers	2	X	Journal of Finance and Accounting Research, ISSN: 2588-1493			1(32), trang 88-90	2025
1.2	Chiến lược quản lý thuế dựa trên hành vi người nộp thuế	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán. ISSN: 1859 - 1671			208 (2/2025), trang 22-30	2025
1.3	Thúc đẩy phát triển tài chính xanh ở Việt Nam hiện nay	1	X	Tạp chí Kinh tế - Dự báo, ISSN: 1859-4972			899 (2/2025), trang 150-152	2025
1.4	Phát triển tín dụng xanh trong các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay	1	X	Tạp chí Kinh tế - Dự báo, eISSN: 2734-9365			Trực tuyến, trang 1-4	2025
1.5	Rủi ro địa chính trị và tỷ suất sinh lợi của các ngân hàng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	2	X	Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - Kinh tế và Quản trị kinh doanh, ISSN: 2734 -9306			20(5), trang 52-64	2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN: hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
1.6	Tăng trưởng tài chính xanh - Nhìn từ vai trò của hệ thống ngân hàng	1	X	Tạp chí Tài Chính, ISSN: 2615-8973			1(846), trang 95-100	2025
1.7	Environmental, social, and governance strategy implementation and operational efficiency in the banking system	2	X	Corporate & Business Strategy Review ISSN: 2708-9924	Scopus (Q4)		6(2), trang 137-145	2025
1.8	The Efficacy of Asset Pricing Models in Explaining Bank Stock Returns	2	X	International Journal of Knowledge and Systems Science, ISSN: 1947-8208	Scopus (Q4)		16(1), trang 1-14	2025
HƯỚNG NGHIÊN CỨU 2. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH								
Trước khi được công nhận TS								
2.1	Tác động của cơ chế quản lý tài chính đến chất lượng giáo dục của các trường đại học công lập Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế Kỹ thuật, ISSN: 0866-7802			7(9/2014), trang 52-63	2014
Sau khi được công nhận TS								
2.2	Thương mại hóa kết quả đề tài nghiên cứu khoa học ở các trường đại học công lập khỏi kỹ thuật ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Công Thương, ISSN: 0866-7756			17 (8/2023), trang 236-244	2023
2.3	Forecasting Bilateral Exchange Rates under Uncertain Conditions Under Uncovered Interest Rate Parity Theoretical Framework A	2	X	Journal of System and Management Sciences, ISSN: 1816-6075	Scopus (Q3) (Từ 2024 đã ra khỏi danh mục Scopus)		13(6), trang 635-646	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN: hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	Machine Learning Approach							
2.4	Tài chính xanh tại Việt Nam: cơ hội, thách thức và định hướng	1	X	Tạp chí Công Thương, ISSN: 0866-7756			20 (9/2024), trang 366-372	2024
2.5	The influence of management commitment on digital and green transformation in Vietnamese enterprises: Empirical insights	2	X	VNU Journal of Economics and Business, ISSN: 2734-9845			4(6), trang 62-72	2024
2.6	Phát triển Fintech tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN: 1859-4972			893 (12/2024), trang 16-19	2024
2.7	Factors Affecting Green Finance Small and Medium Enterprises' Performance: Empirical Study in Vietnam	2	X	The 7th International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA 2024), ISBN: 978-604498729-3			trang 2464-2481	2024
2.8	Science Mapping of the Development and Trends in Green Finance: A Bibliometric Analysis	3	X	Global Business & Finance Review. ISSN: 1088-6931	Scopus (Q3)	1	30(2), trang 57-71	2025
2.9	Nhân tố tác động đến chuyển đổi số và chuyển đổi xanh: Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN: 0866-7489			3(562), trang 93 -106	2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN: hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
2.10	Chỉ số đo lường chất lượng kiểm toán dựa trên chất lượng báo cáo tài chính	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, ISSN: 1859 - 4093			Kỳ 1 tháng 4 (285), trang 51-53	2025
HƯỚNG NGHIÊN CỨU 3: NGHIÊN CỨU HÀNH VI								
Trước khi được công nhận TS								
3.1	Đánh giá mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ đào tạo tại các trường đại học công lập	1	X	Tạp chí Kinh tế Kỹ thuật, ISSN: 0866-7802			Tập 11, trang 90-106	2015
Sau khi được công nhận TS								
3.2	Dự báo tác động của công nghiệp 4.0 đến việc làm của sinh viên Đại học Công nghiệp TP.HCM sau khi tốt nghiệp	2	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (IUH), ISSN: 2525-2267			Số 41, trang 45-57	2019
3.3	Organic foods online shopping intention: The moderator role of Social Distancing policy	2	X	2021 International Conference on Data Analytics for Business and Industry, (ICDABI), ISBN: 978-166541656-6	Scopus	2	trang 609-614	2021
3.4	Lecturers' Intention to Use Online Video Conferencing tools: The role of Perceived severity	2	X	2021 1st Conference on Online Teaching for Mobile Education, (OT4ME), ISBN: 978-166542814-9	Scopus	3	trang 1-7	2021
3.5	Mobile Banking Adoption of Low-income Customer: A Combination between Theory of Planned Behavior	1	X	Journal of Logistics, Informatics and Service Science, ISSN: 2409-2665	Scopus (Q3)	5	10 (1), trang 388 – 402	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN: hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	and Technology Acceptance Model							
3.6	Impacts of destination social responsibility on destination image and tourist revisit intention: An empirical study at tourism destinations in the Mekong delta, Vietnam	6	X	International Journal of Applied Economics, Finance and Accounting, ISSN: 2577-767X	Scopus (Q3) (Từ 2024 đã ra khỏi danh mục Scopus)	2	17(2), trang 325-336	2023
3.7	Digital Service Distribution in Banking: Understanding Customer's Continued Usage Intention of Live Technology Through Customer Readiness Perspective	2	X	Journal of Distribution Science, ISSN: 1738-3110	Scopus (Q4)		23(3), trang 35-44	2025
3.8	Ảnh hưởng của niềm tin và thiết kế hệ thống đến sự chấp nhận sử dụng sản phẩm thương mại điện tử của các nhà cung cấp tại Việt Nam	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (IUH), ISSN: 2525-2267			74, trang 113-124	2025
3.9	How does trust impact e-commerce adoption among Vietnamese vendors: PLS-SEM approach	3	X	Journal of Social Economics Research, eISSN: 2312-6264	Scopus (Q4)		12(2), trang 81-92	2025
3.10	How big data impacting CSR application in listed companies in emerging countries: evidence from Vietnam	2	X	International Journal of Organizational Analysis. ISSN: 1934-8835	Scopus (Q2)		Trực tuyến, 1- 17	2025

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

** Chỉ số trích dẫn thống kê theo Scopus, ngày 18 tháng 06 năm 2025.*

Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **9, các số thứ tự là 1.7, 1.8, 2.3, 2.8, 3.5, 3.6, 3.7, 3.9, 3.10.**

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phan Hồng Hải